

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 12

TUẦN: 1,2/HK1 (từ 6/9/2021 đến 19/9/2021)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

I. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:

- Khai thác SGK Địa lí 12 từ trang 13 đến trang 17.
- Khai thác Atlas Địa lí Việt Nam _các trang: 3, 4, 5.

II. Kiến thức cần ghi nhớ:

Chủ đề 1: **ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VIỆT NAM**
Nội dung 1: **VỊ TRÍ ĐỊA LÍ – PHẠM VI LÃNH THỔ**
(Bài 2 + Bài 3)

1. Vị trí địa lý

- Nằm ở rìa Đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, phía nam lục địa Á – Âu.
- Hệ tọa độ địa lý:
 - + Trên đất liền: Vĩ độ: $23^{\circ}23'N \rightarrow 8^{\circ}34'N$
Kinh độ: $102^{\circ}09'E - 109^{\circ}24'E$
 - + Trên biển: Vĩ độ $23^{\circ}23'N \rightarrow 6^{\circ}50'N$;
Kinh độ $101^{\circ}E \rightarrow 117^{\circ}20'E$.
- Tiếp giáp:
 - + Đất liền: Trung Quốc, Lào, Campuchia.
 - + Biển: 8 quốc gia.
- Nằm ở múi giờ thứ 7.

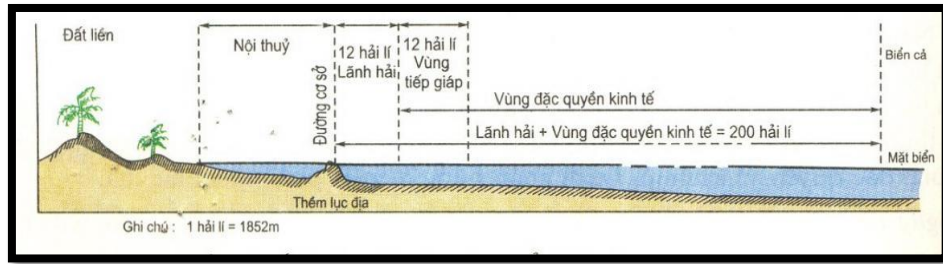
2. Phạm vi lãnh thổ

a. Vùng đất

- Diện tích đất liền và các đảo 331.212 km².
- Tọa độ đất liền
- Biên giới: > 4600 km, chủ yếu rừng núi hiểm trở
(Trung Quốc: >1400km; Tây giáp Lào: > 2100km, Campuchia > 1100km)
- Đường bờ biển dài 3260 km.
- Đảo: Nước ta có 4000 đảo lớn nhỏ, trong đó có 2 quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa), Hoàng Sa (Đà Nẵng).

b. Vùng biển

- Diện tích khoảng 1 triệu km²
- Tiếp giáp với 8 quốc gia.
- Bao gồm:
 - + Vùng nội thủy.
 - + Vùng lãnh hải.
 - + Vùng tiếp giáp lãnh hải.
 - + Vùng đặc quyền kinh tế.
 - + Vùng thềm lục địa.



c. **Vùng trời:** khoảng không gian bao trùm trên vùng đất và vùng biển

3. Ý nghĩa của vị trí địa lý

a. Ý nghĩa đối với tự nhiên

- Vị trí địa lý quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Nước ta nằm trên vành đai sinh khoáng châu Á - Thái Bình Dương nên có tài nguyên khoáng sản phong phú.
- Nước ta nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật nên tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng.
- Vị trí và hình thể (dài hẹp ngang) tạo nên sự phân hoá đa dạng về tự nhiên giữa các vùng miền.
- Khó khăn: bão, lũ lụt, hạn hán...

b. Ý nghĩa về kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng

- Về kinh tế:
 - + Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng.
 - + Nước ta còn là cửa ngõ mở lối ra biển thuận lợi cho các nước Lào, Thái Lan, Đông Bắc Cam-Pu-Chia và khu vực Tây Nam Trung Quốc.
- => Vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- Về văn hoá, xã hội: thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Về an ninh, quốc phòng: vị trí đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á, Biển đông có hướng chiến lược trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.
- * Khó khăn: Bảo vệ chủ quyền và sức ép thù địch.

III. BÀI TẬP:

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM :

Dựa vào kiến thức nội dung SGK Địa lí 12, từ trang 13 đến trang 17, kết hợp Atlas địa lí Việt Nam_Trang 4-5, em hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau :

Câu 1: Nước Việt Nam nằm ở

- bán đảo Trung Ấn, khu vực cận nhiệt đới.
- rià phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
- phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
- rià phía đông châu Á, khu vực ôn đới.

Câu 2: Nước ta có vị trí ở

- bán cầu Nam.
- bán cầu Tây.
- vùng xích đạo.
- vùng nhiệt đới.

Câu 3: Nước ta nằm ở

- trung tâm của bán đảo Đông Dương.
- vùng không có các thiên tai: bão, lũ lụt.
- trong vùng cận nhiệt đới bán cầu Bắc.
- khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Câu 4: Vùng tiếp giáp lãnh hải của biển nước ta

- là phần nằm ngầm ở dưới đáy biển.
- mở rộng không giới hạn dưới biển.
- ở phía ngoài lãnh hải rộng 12 hải lý.
- được xem như bộ phận của đất liền.

Câu 5: Điểm cực Bắc phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh

- Lào Cai.
- Cao Bằng.
- Hà Giang.
- Lạng Sơn.

Câu 6: Điểm cực Tây phần đất liền nước ta thuộc tỉnh

- A. Lai Châu. B. Điện Biên.
C. Sơn La. D. Hòa Bình.

Câu 7: Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm

- A. vùng đất, vùng biển, vùng trời.
B. vùng đất, vùng biển, vùng núi.
C. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.
D. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời.

Câu 8: Phạm vi lãnh thổ vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ

- A. phần đất liền và các hải đảo.
B. phần đất liền và thềm lục địa.
C. khu vực đồng bằng và thềm lục địa.
D. khu vực đồng bằng và đồi núi.

Câu 9: Các nước xếp theo thứ tự giảm dần về độ dài đường biên giới trên đất liền với nước ta là

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia.
B. Trung Quốc, Campuchia, Lào.
C. Lào, Trung Quốc, Campuchia.
D. Lào, Campuchia, Trung Quốc.

Câu 10 : Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A vùng tiếp giáp lãnh hải. B. Vùng đặc quyền kinh tế.
C. nội thủy. D. lãnh hải.

Câu 11: Lãnh hải là

- A. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
B. vùng biển rộng 200 hải lí.
C. vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế.
D. vùng có độ sâu khoảng 200m.

Câu 12: Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt Nam – Lào?

- A. Móng Cái. C. Hữu Nghị.
B. Đồng Đăng. D. Lao Bảo.

Câu 13: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. nhiệt độ trung bình cao. B. độ ẩm không khí lớn.
C. địa hình nhiều đồi núi. D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 14: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc, nên

- A. khí hậu có bốn mùa rõ rệt.
B. có nền nhiệt độ cao.
C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 15: Nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trên thế giới là do

- A. có đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, cửa sông.
B. nằm trong vùng nội chí tuyến có nền nhiệt độ cao.
C. gần ngã tư đường hàng không, hàng hải quốc tế.
D. ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh khác nhau.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

- A. Gia Lai. B. Đắk Nông. C. Kon Tum. D. Đắk Lắk.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Lào?

- A. Đắk Lắk. C. Điện Biên.
B. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta nằm xa nhất về phía bắc?

- A. Thái Nguyên B. Vĩnh Phúc C. Hà Giang D. Tuyên Quang

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết huyện Trường Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Ngãi. C. Đà Nẵng D. Quảng Nam.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam 15, cho biết Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

B. Thực Hành Vẽ lược đồ Việt Nam (Bài 3: *HS tự làm*)

*** Hướng dẫn**

1. Vẽ lược đồ Việt Nam

- *Bước 1:* Vẽ khung ô vuông trên giấy A4.

** Lưu ý:* HS vẽ khung ô vuông gồm 32 ô, đánh số thứ tự theo trật tự bên ngoài: theo hàng từ trái qua phải (từ A đến E), theo hàng dọc từ trên xuống dưới (từ 1 đến 8). Để vẽ nhanh có thể dùng thước dẹt 30 cm để vẽ, các cạnh của mỗi ô vuông bằng chiều ngang của thước (3,4cm).

- *Bước 2:* Xác định các điểm khống chế và các đường khống chế. Nối lại thành khung khống chế hình dáng lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền).

- *Bước 3:* Vẽ từng đoạn biên giới (vẽ nét đứt - - -), vẽ đường bờ biển (có thể dùng màu xanh nước biển để vẽ).

+ Vẽ đoạn 1 : Từ điểm cực Tây (xã Sín Thầu, Điện Biên) đến thành phố Lào Cai.

+ Vẽ đoạn 2 : Từ thành phố Lào Cai đến điểm cực Bắc (Lũng Cú, Hà Giang).

+ Vẽ đoạn 3 : Từ Lũng Cú đến Móng Cái, Quảng Ninh (108⁰Đ).

+ Vẽ đoạn 4 : Từ Móng Cái đến phía Nam đồng bằng sông Hồng.

+ Vẽ đoạn 5 : Từ phía nam Đồng bằng sông Hồng đến phía nam Hoàng Sơn (18⁰B, chú ý hình dáng bờ biển đoạn Hoàng Sơn ăn lan ra biển).

+ Vẽ đoạn 6 : Từ nam Hoàng Sơn đến Nam Trung Bộ (chú ý vị trí Đà Nẵng ở góc ô vuông D4, 16⁰B. Có thể bỏ qua các nét chi tiết thể hiện các vũng vịnh ở Nam Trung Bộ).

+ Vẽ đoạn 7 : Từ Nam Trung Bộ đến mũi Cà Mau.

+ Vẽ đoạn 8 : Bờ biển từ mũi Cà Mau đến thành phố Rạch Giá và từ Rạch Giá đến Hà Tiên. Đảo Phú Quốc.

+ Vẽ đoạn 9 : Biên giới giữa đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia.

+ Vẽ đoạn 10 : Biên giới giữa Tây Nguyên, Quảng Nam với Campuchia và Lào.

+ Vẽ đoạn 11 : Biên giới từ nam Thừa Thiên – Huế tới cực Tây Nghệ An với Lào.

+ Vẽ đoạn 12 : Biên giới phía Tây của Thanh Hóa với Lào.

+ Vẽ đoạn 13 : Phần còn lại của biên giới phía nam Sơn La, tây Điện Biên với Lào.

- *Bước 4:* Dùng các kí hiệu tượng trưng đảo san hô để vẽ các quần đảo Hoàng Sa (ô E4) và Trường Sa (ô E8).

2. Điền vào lược đồ một số địa danh quan trọng

- Hà Nội
- Đà Nẵng
- TP. Hồ Chí Minh
- Vịnh Bắc Bộ
- Vịnh Thái Lan
- Quần đảo Hoàng Sa
- Quần đảo Trường Sa.

*** Lưu ý:**

– Vị trí của một số đảo chính trong quần đảo Hoàng Sa ở ô E4, Trường Sa ở ô E8.

– Vị trí của một số đảo chính trong quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở xa hơn bên ngoài khung lược đồ. Vì thế trong lược đồ phải đóng khung một phần ở góc phải phía dưới lược đồ để vẫn thể hiện được quần đảo Trường Sa).

– Không cần ghi rõ tên các đảo cụ thể vì kích thước quá nhỏ và tỉ lệ lược đồ nhỏ.

– Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam xác định vị trí các thành phố thị xã → HS điền tên các thành phố, thị xã vào lược đồ.

– Quy ước cách viết địa danh:

+ Tên nước: chữ in đứng

+ Tên thành phố, quần đảo: viết in hoa chữ cái đầu, viết song song với cạnh ngang của khung lược đồ.

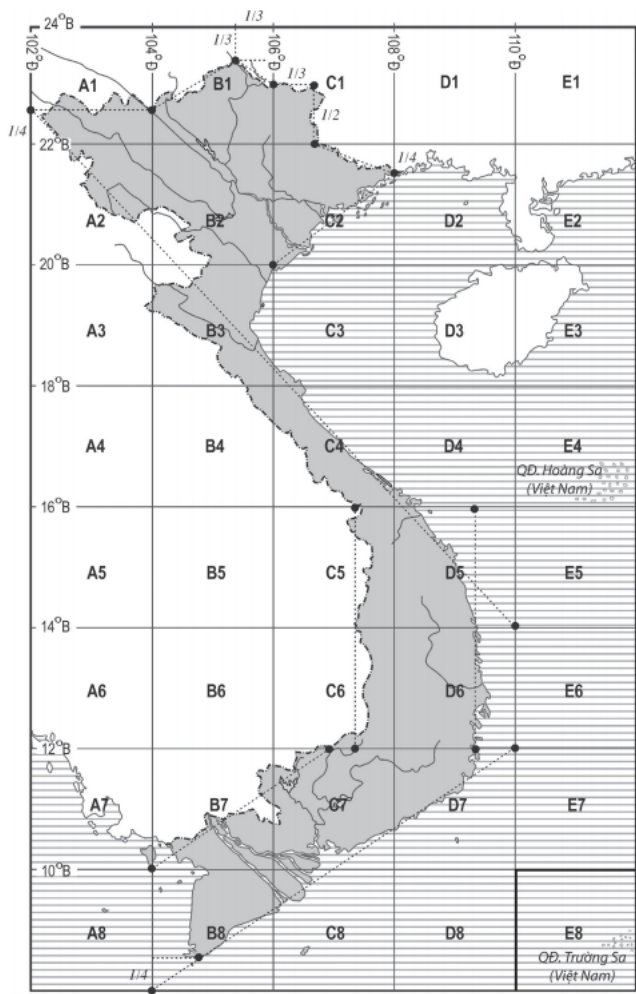
A. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

B. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

A. Trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	D	C	B	B	A	A	C	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	D	B	B	C	C	A	C	A	B

B. Thực hành:



Hình 3. Lưới ô vuông để vẽ lược đồ Việt Nam

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.

